TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Vân Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐST-NHGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bảo T, sinh năm 1999

Địa chỉ: khu A, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1993

Địa chỉ: căn hộ 7.19, khối E, lô 1, chung cư 17.3 ha, tổ 1J, khu phố 1, phường A, thành phố T1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số nhà D287B, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Bảo T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thành H yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban phường A, quận 2 (nay là Thành phố T1) thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu D, ấp P, xã Đ, huyện N, hạnh phúc được nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng cự cãi, thường xuyên lời qua tiếng lại, bất đồng quan điểm. Đến tháng 6/2022 thì chị dọn về nhà cha mẹ ruột để sống, anh H không có lần nào bàn bạc, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh H được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Nếu Tòa án không cho ly hôn, chị vẫn kiên quyết sống ly thân với anh H chứ không quay về đoàn tụ với anh H.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 31/01/2021. Từ lúc ly thân, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Hiện chị T đang làm nhân viên văn phòng, thu nhập khoảng 7.500.000 đồng/tháng, khi chị đi làm thì có chị ruột trông con phụ nên có đủ điều kiện nuôi con mà không cần cấp dưỡng.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

Do bận công việc nên chị T xin được vắng mặt trong các phiên tòa Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Thành H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Bảo T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 31/01/2021 cho chị T nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị Bảo T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành H; hiện anh H đang sinh sống và tạm trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Bảo T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị T và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận 2 (Nay là Thành phố T1), thành phố Hồ Chí Minh, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn anh H. Tòa án đã mời anh H tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng phía bị đơn không đến tham đến Tòa, cũng không có ý kiến, từ đó cho thấy anh H không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, theo lời khai của chị T thì vợ chồng đã tự sống ly thân, không có lần nào hòa giải đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

[3] *Về con chung*: chị T và anh H chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 31/01/2021. Sau ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2. Kể từ lúc vợ chồng ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mặt khác hiện nay cháu T2 chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử xử giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*, *nợ chung*: không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Bảo T. Xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Thành H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 31/01/2021 cho chị T nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008346 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Toàn